TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ- ST
Ngày: 04/01/2018
V/v " ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đinh Thị Tin

Bà Phạm Thị Chuộng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 363/2017/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc *" ly hôn"*, Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2017/QĐXX-ST ngày 07 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2017/QĐST-HNGĐ ngày 22/12/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lại Thị T, sinh năm 1977

Nơi ĐKHKTT: Thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Hà Nam.

Nơi ở hiện nay: Thôn Q, xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Chị T có mặt, anh K vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai của nguyên đơn là chị Lại Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn K được tự nguyện tìm hiểu và được đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 13/6/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng hơn 1 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vào tháng 8 năm 2013 chị phạm tội và bị kết án 02 năm tù, sau đó chị phải đi chấp hành án tại trại giam X,

thành phố Hải Phòng. Thời gian chị đi chấp hành án anh K không quan tâm thăm hỏi gì. Đến khi chị trở về anh K cố tình lảng tránh không gặp chị. Do vậy, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2013, từ đó đến nay chị và anh K không còn liên lạc gì nữa, đồng thời cũng cắt đứt mọi quan hệ về tình cảm và kinh tế. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không kéo dài hơn được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh K.

Về con chung: Anh chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã nhiều lần triệu tập bị đơn là anh Nguyễn Văn K đến làm việc nhưng anh không có mặt. Tòa án chỉ tống đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho ông Nguyễn Văn L là bố đẻ anh K nhận thay. Sau khi nhận các tài liệu do Tòa án giao ông đã thông báo lại cho anh K được biết nhưng đều không chấp hành. Tại biên bản lấy lời khai của ông L xác định: chị T và anh K được đăng kí kết hôn vào năm 2013. Sau khi kết hôn anh K và chị T chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vào khoảng tháng 8 năm 2013 chị T bị bắt về tội và bị kết án 02 năm. Khi chị T đi chấp hành án anh K cũng không đến thăm gặp. Đến khoảng tháng 9 năm 2015 chị T chấp hành án xong có về tìm gặp anh K nhưng anh cố tình tránh nên hai bên sống ly thân từ đó đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa, ngoài ra ông L trình bày lại ý kiến của anh K như sau: nếu chị T xin ly hôn anh cũng đồng ý. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Về con chung anh chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung,nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị T vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh K. Ngoài ra chị không đề nghị gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa,Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của Điều 70 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lại Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn K. Về con chung: Không có nên không giải quyết. Về tài sản chung: không có nên không giải quyết.Về án phí: Chị Lại Thị T phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lại Thị T và anh Nguyễn Văn K được kết hôn từ năm 2013, việc kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn theo luật định, được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai bên đã xảy ra nhiều mâu thuẫn bất đồng, mặt khác do chị T phạm tội và bị kết án 02 năm tù, trong thời gian chấp hành án anh K không quan tâm thăm gặp, nên cũng từ đó tình cảm vợ chồng càng phai nhạt thêm. Sau khi chị T chấp hành xong trở về quê thì anh K lẩn tránh không gặp, chị T cũng đã cố gắng chờ đợi và liên lạc với anh K để động viên về đoàn tụ gia đình nhưng anh K vẫn cố tình không gặp. Nay chị T nhận thấy tình cảm giữa chị và anh K không còn, chị đề nghị được ly hôn anh K. Còn anh K trong giai đoạn thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa hôm nay đều không có mặt, song thực tế qua xác minh gia đình anh K cung cấp: Do anh anh K không còn tình cảm với chị T, nên anh không muốn đối diện và anh K ý kiến thông qua gia đình là không yêu cầu Tòa án tiến hành hòa giải mà nhất trí ly hôn với chị T. Việc đó chứng tỏ bản thân anh K và chị T đều có ý thức khước bỏ cuộc hôn nhân của mình mà không mong muốn hàn gắn đoàn tụ . Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để xử cho chị T được ly hôn anh K là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Không xem xét, giải quyết trong vụ án.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét, giải quyết trong vụ án.

[5]. Về án phí: Chị Lại Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lại Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn K.

- Về con chung: Không xem xét, giải quyết trong vụ án.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét, giải quyết trong vụ án.

- Về án phí: Chị Lại Thị T phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu

tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001291 ngày 16/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn, chị T đã nộp đủ.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Đương sự
- VKSND huyện Kinh Môn;
- Chi cục THADS huyện Kinh Môn;
- UBND xã Thượng Quận;
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thụy